TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA** *Số:18/2018/QĐST-HNGĐ*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *C, ngày 02 tháng 03 năm 2018,*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2017/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1993
Trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: anh Trịnh Đình Nh – Sinh năm: 1988
Trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.
Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 54; 55 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 22 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Đình Nh

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Đình Nh.

- *Về con cái:* Vợ chồng thống nhất có 2 con chung là cháu: Trịnh Đình T - Sinh ngày 27/8/2010; Cháu Trịnh Hà L – Sinh ngày: 17/3/2012.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị H và anh Nh như sau:

Giao cháu Hà L cho chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Đình T cho anh Nh có trách nhiệm nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị H và anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh Nh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 3 và khoản 4 điều 147 - BLTTDS; khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. chị H, anh Nh mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Chị H nhận nộp cả phần án phí cho anh Nh. Chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0000683, ngày 24/01/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa được trừ vào tiền án phí DSST. Chị Hạnh còn được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã Q, huyện C ;
tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Luyện